

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/DS-ST
Ngày: 30-01-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và tranh chấp đòi
lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Tài Thủ

2. Bà Thái Ánh Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 4 - Cần Thơ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên
tòa:*** Bà Lê Thị Kim Xa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần
Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 205/2025/TLST-
DS ngày 30 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh
chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐXX-ST
ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Tuyết N, sinh năm 1974, *đề nghị vắng mặt*

Nơi cư trú: Lô A khóm H, phường M, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1980, *đề nghị vắng mặt*

Nơi cư trú: ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/4/2024 (âm lịch), ông Nguyễn Văn P có chơi hụi do nguyên đơn
tổ chức, ông P đã hốt 76.500.000 đồng, có làm biên nhận. Ông P đóng lại cho
nguyên đơn được số tiền 56.500.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Khoản
nợ này ông P còn nợ 20.000.000 đồng.

Ngày 13/6/2024, ông P vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, có
làm biên nhận, ông P có ký tên nhận nợ, thời hạn trả 01 tháng, từ ngày
13/6/2024 đến ngày 13/7/2024. Từ ngày 13/6/2024 cho đến nay, ông P không trả
lại tiền vốn gốc và lãi suất. Khoản nợ này ông P còn nợ 50.000.000 đồng.

Ngày 21/02/2025, ông P vay của nguyên đơn số tiền 22.450.000 đồng
nhưng do trước đó ông P còn nợ nguyên đơn 4.500.000 đồng, ông P đồng ý cản
trừ. Nên đã chuyển cho ông P số tiền 17.950.000 đồng (bằng hình thức chuyển
khoản).

Ngày 15/5/2025, ông P vay của nguyên đơn số tiền 22.450.000 đồng, nhưng do trước đó ông P còn nợ 9.090.000 đồng, ông P đồng ý cân trừ. Nên đã chuyển cho ông P số tiền 13.360.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản).

Như vậy, tổng 02 khoản vay ngày 21/2/2025 và ngày 15/5/2025, ông P nợ nguyên đơn số tiền 44.900.000 đồng, ông P trả được số tiền 24.080.000 đồng, còn nợ lại 20.820.000 đồng. Về lãi suất hai bên có thỏa thuận cho việc vay tiền bằng lời nói 20%/năm. Kể từ khi vay tiền đến nay ông P không đóng lãi. Nhiều lần nhắc nhở nhưng không trả.

Tổng cộng nợ hui và nợ vay yêu cầu ông P trả cho nguyên đơn số tiền 90.820.000 đồng (nợ hui: 20.000.000 đồng, nợ vay: 70.820.000 đồng). Yêu cầu tính lãi 20%/năm tức 1.66%/tháng đối với số tiền nợ vay 70.820.000đ tính từ ngày 15/6/2025 cho đến khi xét xử.

Ngày 15/6/2025 ông P vay số tiền 12.130.000đ, nhưng nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền này.

Ngày 29/01/2026 nguyên đơn nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có yêu cầu lãi đối với số tiền vay là tính tròn 7 tháng thành số tiền 8.229.000đ.

Bị đơn trình bày:

Bị đơn có chơi hui và vay tiền của bà N. Đối với tiền nợ hui còn nợ là 20.000.000đ. Đối với số tiền nợ vay còn nợ 70.820.000đ. Cụ thể:

Ngày 13/6/2024 có vay 50.000.000đ chưa trả.

Ngày 21/2/2025 vay 22.450.000đ, ngày 15/5/2025 vay 22.450.000đ. Tổng cộng là 44.900.000đ sau đó đã trả được 24.080.000đ. Còn nợ 20.820.000đ. Tổng cộng nợ hui và nợ vay yêu cầu bị đơn phải trả là 90.820.000đ, trong đó nợ hui là 20.000.000đ, nợ vay là 70.820.000đ bị đơn đồng ý.

Về lãi suất hai bên có thỏa thuận cho việc vay tiền bằng lời nói 20%/năm tính từ ngày 15/6/2025 cho đến khi xét xử cũng đồng ý. Bị đơn có đóng tiền lãi cho bà N nhiều lần nhưng không yêu cầu gì về tiền lãi đã đóng.

Đối với số tiền vay ngày 15/6/2025 nợ 12.130.000đ. Bà N không yêu cầu Toà án giải quyết, rút yêu cầu số nợ này bị đơn không ý kiến.

Đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Toà án và đối chất (nếu có) cả khi xét xử.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 90.820.000đ. Về lãi suất bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo quy định.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay 12.130.000đ ngày 15/6/2025 do rút yêu cầu.

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp đòi lại tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hoà giải được, do đó phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định.

Đối với việc nguyên đơn rút lại yêu cầu số tiền vay 12.130.000đ ngày 15/6/2025. Được Hội đồng xét xử đình chỉ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 90.820.000đ, trong đó số tiền nợ trong việc chơi hụi là 20.000.000đ và số tiền vay 70.820.000đ. Về phía bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền nợ hụi, nợ vay là 90.820.000đ và đồng ý trả cho nguyên đơn. Do đó, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 90.820.000đ.

[2.2] Đối với số tiền lãi vay nguyên đơn yêu cầu 20%/năm (1.66%/tháng), thời gian tính từ ngày 15/6/2025 đến khi xét xử, tính tròn 07 tháng với số tiền 8.229.000đ. Về phía bị đơn cũng thống nhất về mức lãi suất và thời gian tính lãi. Nên buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi 8.229.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định.

[4] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 254, 262, 264, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Tuyết N.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Trương Thị Tuyết N số tiền 99.049.000đ (*chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng*), trong đó nợ gốc 90.820.000đ (*chín mươi triệu tám trăm hai*

mười nghìn đồng), nợ lãi 8.229.000đ (tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay 12.130.000đ ngày 15/6/2025 do rút yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho nguyên đơn Trương Thị Tuyết N số tiền 2.573.750đ (hai triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006763 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bị đơn Nguyễn Văn P phải chịu 4.952.000đ (bốn triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND KV4 – Cần Thơ;
- THADS Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Khúc Thị Hồng